

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **54/2020/HS-PT**

Ngày 10 - 3 - 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Thẩm phán:

Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Kiều Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Hữu Đãi Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2019/TLPT-HS ngày 20/12/2019 đối với các bị cáo Phan Thị N và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1/ Phan Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1985 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện V, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Phan Văn Đ (s) và bà Lê Thị T (s); Có chồng là Lê Quốc P, sinh năm 1980 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2005 và con nhỏ nhất sinh năm 2007). Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 30/11/2016, bị TAND quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc”

Bị cáo bị giam ngày 02/7/2019. Có mặt.

2/ Nguyễn H, sinh ngày 10 tháng 11 năm 1978 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã S, huyện V, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 09/12;

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam – hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; Con ông Nguyễn L (s) và bà Trần Thị T1 (s); Có vợ là Ngô Thị T2 và có 02 con (con lớn nhất sinh năm 2008 và con nhỏ nhất sinh năm 2013). Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15h30' ngày 30/6/2019, Huỳnh Văn T3, Đỗ Ngọc T4, Phan Thị Thu L1, Lê Quốc H1, Nguyễn Duy H2, Trần Ngọc T5, Phạm Văn Đ1, Trần Văn G, Nguyễn H3 và hai người đàn ông lạ mặt (*Hiện không xác định được nhân thân và lai lịch cụ thể*) rủ nhau chơi đánh bài “Xì lát” ăn thua bằng tiền tại quán com P1 ở thôn Đ, xã S, huyện V, TP Đà Nẵng do Huỳnh Văn T3 làm chủ. Trong quá trình ngồi chơi, L1 thấy có đông người tham gia chơi nên nghỉ thì một trong hai người đàn ông lạ mặt rủ L1 chung tiền lại đề cùng nhau cầm cái thì L1 đồng ý. Đến khoảng 16h00' cùng ngày, Phan Thị N cùng với Trần Song A đến quán com P1 chơi và xem đánh bài. Đến khoảng 16h30' cùng ngày, trong lúc mọi người đang chơi đánh bài “Xì lát” thì H2 phát hiện người đàn ông lạ mặt góp tiền làm cái với L1 chơi gian lận nên thông báo cho những người cùng chơi biết thì những người cùng chơi bức xúc xông vào đánh người đàn ông này. Trần Song A cũng tham gia đánh người đàn ông nói trên rồi bỏ ra đứng ngoài nơi dựng xe mô tô của mình. Cùng lúc này, N đứng bên cạnh đó xông đến giật tiền mà L1 đang cầm trên tay, dùng tay đấm vào bụng L1 rồi tiếp tục dùng tay lục lấy tiền trong áo ngực của L1. Do sợ bị đánh nên khi bị giật và lục lấy tiền L1 không dám phản kháng. Sau khi lấy được 14.600.000 đồng của L1 xong thì N đi ra ngoài đường ngồi lên xe máy do Trần Song A điều khiển chạy về.

Đến khoảng 19h30' ngày 01/7/2019, trong lúc Phan Thị N, Trần Song A ngồi nhậu cùng một số người khác tại quán nhậu cạnh đường ray xe lửa trên đường M, đoạn thuộc tổ 62, phường I, quận C, TP Đà Nẵng thì phát hiện anh Lê Văn T6 đang dừng chờ tàu hỏa, N và A nghĩ T6 là bạn trai của L1 có mặt tại sòng bài ngày hôm trước nên chạy từ bàn nhậu ra giữ xe mô tô của T6 lại. Song A rút chìa khóa xe mô tô của T6 với mục đích không cho T6 bỏ chạy, còn N nói chuyện với T6 thì A dùng tay đấm nhiều cái vào mặt và dùng chân đá vào người T6. T6 hoảng sợ bỏ chạy vào quán bánh canh gần đó trốn thì A và N chạy theo bắt giữ T6 lại. A nắm cổ áo T6 lôi ra đứng ngoài lề đường rồi đe dọa đòi đánh tiếp thì N ngăn cản nên A yêu cầu T6 đứng tại đây, không được bỏ đi để N hỏi chuyện. Sau đó, A quay lại bàn nhậu, vừa nhậu vừa quan sát T6. N yêu cầu T6 gọi điện cho L1 để nói chuyện nhưng không được, N liền giật điện thoại hiệu Nokia 106 màu đen trên tay của T6 rồi dùng điện thoại này nhắn tin cho L1 nhưng không thấy trả lời nên bỏ điện thoại vào túi quần của mình, còn T6 thì sợ bị đánh tiếp nên không dám lấy lại điện thoại.

Tiếp đó, N nghe điện thoại của Nguyễn H đang ở tiệm của H tại thôn Đ, xã S nên nói cho H biết mình đang giữ được người đánh bạc gian lận tại đường ray trên đường M. Sau đó H liền nói cho Dương Phúc T7 nghe thì T7 rủ H chạy xuống chỗ N thì H đồng ý. T7 điều khiển xe chở H xuống chỗ N. Tại đây, H và T7 đến đứng nói chuyện với N và T6 về vấn đề tiền bạc được khoảng 10 phút thì N buộc T6 ngồi lên xe của T7 để dẫn về nhà Phan Thị Thu L1 làm rõ việc đánh bạc gian lận vào ngày 30/6/2019. T6 lo sợ bị đánh nên không dám phản ứng gì nên buộc phải ngồi lên xe mô tô của T7. T7 ngồi trước điều khiển, T6 ngồi giữa, H ngồi kẹp giữ phía sau, còn N điều khiển xe mô tô của T6 chạy theo sau. Về đến tiệm bạc của H ở thôn Đ, xã S thì T7 và T6 xuống xe vào ngồi tại bàn nhựa trước tiệm, còn H thì vào tiệm làm việc riêng. T7 gọi điện cho Lữ Hồng Đ2 đến để nói chuyện về vấn đề tiền thua bạc vào ngày 30/6/2019. Đ2 cùng Hứa Công T8 đến nói chuyện với T6. Sau đó, N chạy xe mô tô của T6 đến tiệm H. N yêu cầu T6 dẫn vào nhà L1 thì T7 lấy xe của T6 chở T6 vào nhà L1. Đến nhà L1, T6 gặp Phan Thị Thu L2 và kể lại chuyện bị N, T7, H ép T6 dẫn về nhà L1 để nói chuyện tiền bạc. Nghe vậy, L2 đi từ trong nhà ra thì cùng lúc này có anh Nguyễn Thành T9 là chồng của L2 vừa về nhà. Giữa L2, T9, T7 xảy ra cãi nhau. Sau đó, T7 mượn xe máy của Lữ Hồng Đ2 chạy ra tiệm bạc của H chở N vào. Thấy nhà chị L2 đông người, sợ bị đánh nên T7 chạy xe của Đ2 về nhà mình lấy 01 khẩu súng bắn đạn cao su rồi quay lại nhà L2. Lúc này, N đứng nói chuyện với L2 thì hai bên xảy ra mâu thuẫn nên xông vào đánh nhau, N dùng guốc mình đang mang đánh vào đầu của L2, T7 vào can ngăn không được nên chia súng lên trời và bắn 01 phát thì chị Phan Thị N1 là mẹ ruột L2 và anh T9 ra can ngăn. N lúi ra gọi điện thoại cho Trần Song A lên hỗ trợ. Trần Song A đi xe mô tô hiệu SH, BKS 43C1-31xxx đến. A cầm một bóng đèn tuýt xông đến đâm vào nhóm người nhà của chị L2. A đâm trúng ông Phan Văn L3 làm bị thương ở vùng tay phải, bà Phan Thị N1 bị thương ở vùng lưng và anh Nguyễn Thành T9 bị thương ở vùng bụng. Cùng lúc này N dắt xe của T6 đem trả cho T6 nhưng lại dựng trước nhà của L1. Quá trình A đánh nhau đã bị té ngã nên nói T7 chở về nhà N với mục đích lấy hung khí quay đánh lại nhóm người nhà L2, N điều khiển xe mô tô chạy theo sau. Về đến nhà N, A vào nhà lấy một cái rựa rồi rủ T7, N quay lại đánh nhóm người bên nhà L2. T7 chở A và đưa súng cho A cầm, còn N chạy xe theo sau. Qua đến trước nhà L2, A cầm rựa, súng xông vào nhà L2, thấy người nhà L2 đông, A dùng súng và nhắm vào nhóm người bên nhà L2 bắt liên tiếp làm trúng vào lưng của Nguyễn Văn L4 và trúng vào vùng mông của Phan Anh L5 đang đứng trước nhà của L2. Sau khi gây án, N, A, T7 bỏ trốn, trong quá trình bỏ trốn cùng Trần Song A thì N đã rút chiếc điện thoại chiếm đoạt của anh T6.

Ngày 03/7/2019, Trần Song A đến Cơ quan Công an huyện Hòa Vang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng bọn.

Ngày 05/7/2019, Dương Phúc T7 đến Cơ quan Công an huyện Hòa Vang đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng bọn.

Ngày 04/7/2019, các bị hại Nguyễn Thành T9, Phan Thị Thu L2, Nguyễn Văn L4, Phan L3, Phan Thị N1 và Phan Anh L5 có đơn đề nghị giám định thương tích và yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với những người đã gây thương tích cho mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 199 ngày 10/7/2019 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng xác định: Thương tích của Nguyễn Văn L4 hiện tại là 01%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 202 ngày 10/7/2019 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng xác định: Thương tích của Phan Anh L5 hiện tại là 02%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 203 ngày 10/7/2019 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng xác định: Thương tích của Phan Thị N1 hiện tại là 02%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 205 ngày 11/7/2019 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng xác định: Thương tích của Nguyễn Thành T9 hiện tại là 08%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 206 ngày 11/7/2019 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng xác định: Thương tích của Phan L3 hiện tại là 06%.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 204 ngày 11/7/2019 của Trung tâm pháp y TP Đà Nẵng xác định những tổn thương trên người của chị Phan Thị Thu L2 không được xếp tỉ lệ thương tích.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51 ngày 24/9/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên huyện Hòa Vang xác định chiếc điện thoại hiệu Nokia 106 màu đen trị giá 200.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm a khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội Cướp tài sản – khoản 1 Điều 168), điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Phan Thị N 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 01 (một) năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 03 tội buộc bị cáo Phan Thị N phải chấp hành hình phạt là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ, tạm giam ngày 02/7/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn H 06 (sáu) tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt các bị cáo Trần Song A, Dương Phúc T7, phân trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 26/11/2019, bị cáo Phan Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/11/2019, bị cáo Nguyễn H có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phan Thị N và Nguyễn H có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ. Về nội dung: Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2019/HS-ST ngày 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Phan Thị N 05 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự, 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134, 01 năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157; xét xử bị cáo Nguyễn H 06 tháng tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 BLHS là có căn cứ, phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Phan Thị N và Nguyễn H khai nhận: Vào ngày 30/6/2019 tại quán cơm P1 ở thôn Đ, xã S, huyện V, TP Đà Nẵng, do cho rằng quá trình đánh bạc có sự gian dối nên Phan Thị N đã giật lấy tiền trên tay của Phan Thị Thu L1 và dùng tay đâm vào bụng L1 rồi lục lấy tiền trong áo ngực của L1 chiếm đoạt tổng số tiền là 14.600.000 đồng. Đến khoảng 19h30’ ngày 01/7/2019, tại đường M, đoạn thuộc tổ 62, phường I, quận C, TP Đà Nẵng, Phan Thị N và Trần Song A đã chặn xe mô tô của Lê Văn T6 rồi dùng tay, chân đánh và đá vào người T6. Bị đánh nên T6 đã bỏ chạy vào trong quán bánh canh gần đó trốn

thì N và A tiếp tục đuổi theo vào trong quán bắt giữ T6 lại, A dùng tay nắm cổ áo T6 lôi ra ngoài lề đường rồi tiếp tục đe dọa buộc T6 phải đứng yên tại vị trí này để N nói chuyện. Quá trình hỏi chuyện thì N đã giật lấy chiếc điện thoại hiệu Nokia trị giá 200.000 đồng trên tay của T6. Sau đó, N liên lạc với Dương Phúc T7 và Nguyễn H đến không chế buộc T6 ngồi lên xe để T7 ngồi trước điều khiển, còn H ngồi kẹp giữ phía sau chở T6 về nhà của Nguyễn Thị L1 tại thôn Đ, xã S, huyện V, TP Đà Nẵng.

Tại khu vực trước nhà của Nguyễn Thị L1, Dương Phúc T7, Trần Song A và Phan Thị N đã sử dụng bóng đèn tuýp, guốc, rựa và súng công cụ hỗ trợ là những loại hung khí nguy hiểm đánh và bắn gây thương tích cho Nguyễn Văn L4 với tỷ lệ 01%, gây thương tích cho Phan Anh L5 với tỷ lệ 02%, gây thương tích cho Phan Thị N1 với tỷ lệ 02%, gây thương tích cho Nguyễn Thành T9 với tỷ lệ 08%, gây thương tích cho Phan L3 với tỷ lệ 02%.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo Phan Thị N và Nguyễn H, thì thấy:

Trong vụ án này, bị cáo Phan Thị N là người cầm đầu, trực tiếp đánh chị L1, cướp tiền từ tay và lục trong áo ngực chị L1 để cướp số tiền 14.600.000 đồng. Bị cáo còn có hành vi chặn đường để bắt giữ anh Lê Văn T6, cướp của anh T6 01 điện thoại Nokia trị giá 200.000 đồng. Bị cáo tiếp tục thông báo cho Nguyễn H, cùng với H, T7 và A không chế buộc anh T6 lên Hòa Sơn, vào nhà chị L1 bị cáo còn có hành vi dùng guốc đánh chị Phan Thị Thu L2. Ngoài ra, bị cáo còn có gọi điện thoại cho Trần Song A đến để hỗ trợ trong việc đánh nhau gây thương tích cho người khác. Hành vi của bị cáo Phan Thị N đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản cũng như quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân. Bị cáo còn có nhân thân xấu, đã có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Hơn nữa, bị cáo thực hiện hành vi cướp tài sản 02 lần nên phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội “Cướp tài sản”. Do đó mức án của bị cáo N cũng phải cao hơn mức án của bị cáo H.

Đối với bị cáo Nguyễn H, khi nghe N nói đã bắt giữ anh T6 thì bị cáo đã rủ T7 cùng đi đến nơi N bắt giữ anh T6. Khi nghe N buộc T6 ngồi lên xe của T7 để dẫn về nhà Phan Thị Thu L1, T7 ngồi trước điều khiển, T6 ngồi giữa và H là người ngồi kẹp phía sau, trái với ý muốn của anh T6. Hành vi của bị cáo Nguyễn

H cũng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do của con người, quyền tự do, dân chủ của công dân. Bản thân các bị cáo có đủ nhận thức về hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn xem thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an xã hội, gây bất bình, hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Do đó đối với các bị cáo Phan Thị N, Nguyễn H cần xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo, đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phan Thị N, xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”, 01 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 01 năm tù về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” và áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn H, xử phạt bị cáo 06 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phan Thị N và Nguyễn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 168; điểm a khoản 1 Điều 134; khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm g khoản 1 Điều 52 đối với tội Cướp tài sản – khoản 1 Điều 168), điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Phan Thị N** 05 (năm) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”, 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” và 01 (một) năm tù về tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”. Tổng hợp hình phạt chung của cả 03 tội buộc bị

cáo Phan Thị N phải chấp hành hình phạt là **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giữ, tạm giam ngày 02/7/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn H 06 (sáu) tháng** tù về tội “*Giữ người trái pháp luật*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị cáo Phan Thị N và Nguyễn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CQCSĐT Công an huyện Hòa Vang;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trọng Danh